

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2022

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Trần Văn Nhị.
2- Ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng B, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh L (có mặt)

Bị đơn: Bà Võ Thị Thanh L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh L. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09-02-2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Đăng B trình bày: Sau thời gian tìm hiểu ông B và bà L cưới nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 442/2002 ngày 31-12-2002. Sau lễ cưới ông B và bà L sống chung tại ấp 1, xã N, huyện T, tỉnh Long An. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông B phát hiện bà L không chung thủy và đã khuyên nhủ bà L nhưng sau đó bà L vẫn tiếp tục qua lại với người đàn ông đó, ông B và gia đình có bắt gặp. Từ ngày 27-01-2022, ông B thuê nhà trọ ở riêng, từ đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được nên ông B xin ly hôn với bà L. Về con chung, ông B và bà L có 03 con chung tên là Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 16-9-2003 nay đã trưởng thành, Nguyễn Đức T, sinh

ngày 27/02/2014 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 17-7-2020. Khi ly hôn ông B yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Đức T, giao bà L nuôi con chung là Nguyễn Thị Ngọc G, ông B và bà L không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung của vợ chồng ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn là bà Võ Thị Thanh L trình bày: Bà L thống nhất với lời trình bày của ông B về thời điểm kết hôn, sau lễ cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì. Đầu năm 2022 ông B phát hiện bà L có mối quan hệ với người đàn ông khác từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông B thuê nhà trọ ở riêng mặc dù bà L đã chấm dứt mối quan hệ với người đó. Bà L không đồng ý ly hôn với ông B vì còn thương chồng, thương con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung chưa thành niên là Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị Ngọc G, bà L yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho một người con. Còn con chung tên Nguyễn Tấn Đ, sinh ngày 16-9-2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung của vợ chồng có nhà ở và đất ở tại ấp 1, xã N, huyện T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung của vợ chồng không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Long An: Quá trình thụ lý vụ án Thẩm phán và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án thì hôn nhân giữa ông B và bà L là hôn nhân hợp pháp, sau thời gian sống chung đến đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà L không chung thủy với chồng. Hiện tại ông B thuê nhà ở riêng, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, do đó căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông B, cho ông B ly hôn với bà L. Về nuôi con, hiện tại 02 con chưa thành niên đang đi học và sống ổn định cùng với bà L tại nhà của vợ chồng ở ấp 1, xã N. Theo lời trình bày của ông B và bà L nếu giao cho ông B nuôi con thì có ảnh hưởng đến sinh hoạt cũng như tâm lý của con, do đó giao bà L trực tiếp nuôi 02 con chưa thành niên. Về cấp dưỡng, theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do đó ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên hiện tại ông B làm công nhân, thu nhập hàng tháng từ lương không cao, đề nghị Hội đồng xem xét buộc ông B cấp dưỡng nuôi con theo mức hợp lý. Tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện ông Nguyễn Đăng B xin ly hôn với bà Võ Thị Thanh L, bà L không đồng ý ly hôn, như vậy tranh chấp giữa ông B với bà L là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo lời trình bày của ông B, bà L và tài liệu đã thu thập xác định quan hệ hôn nhân giữa ông B, bà L là hôn nhân hợp pháp, được xác lập vào năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 442/2002 ngày 31-12-2002. Sau lễ cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do lối sống sinh hoạt của vợ chồng có những điểm không hợp nhau, bà L không chung thủy với chồng. Từ tháng 01 năm 2022 đến nay vợ chồng không sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, như vậy hôn nhân giữa ông B và bà L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, cho ông B ly hôn được ly hôn bà L.

[3] Về nuôi con chưa thành niên: Theo lời trình bày của ông B và bà L hiện tại 02 con chung chưa thành niên của ông bà là Nguyễn Đức T và Nguyễn Thị Ngọc G đang đi học và sống ổn định cùng với bà L tại nhà của vợ chồng ở ấp 1, xã N, huyện T. Ông B đi làm công nhân và thuê nhà ở trọ tại huyện B. Ông B thừa nhận khi giao cho ông B trực tiếp nuôi con là phải thay đổi chỗ ở của con nên cũng ảnh hưởng đến sinh hoạt và tâm lý của con. Do đó giao bà L trực tiếp nuôi 02 con chưa thành niên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con theo quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, do đó ông B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại ông B làm công nhân, thu nhập hàng tháng từ lương không cao, do đó buộc ông B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng cho một con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông B có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về tài sản chung: Ông B và bà L có tài sản chung là nhà ở và đất ở tại ấp 1, xã N, huyện T, do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông B phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đăng B đối với bà Võ Thị Thanh L.

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đăng B được ly hôn bà Võ Thị Thanh L.

Về nuôi con chưa thành niên: Giao bà Võ Thị Thanh L trực tiếp nuôi 02 con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 27/02/2014 và Nguyễn Thị Ngọc G, sinh ngày 17-7-2020. Buộc ông Nguyễn Đăng B phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng là 1.000.000 (Một triệu) đồng cho một con, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4 năm 2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông B có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không giải quyết.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đăng B phải chịu 600.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002263 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An. Ông Nguyễn Đăng B còn phải nộp thêm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

3- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-4-2022).

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- UBND xã N, huyện B;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Tiến